

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 5 - 2026

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mẫn Xuyên;

Ông Nguyễn Văn Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, và quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Thị Út G, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- **Bị đơn:** Trần Văn Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu V, phường Đ, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Út G trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Trần Văn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung đến tháng 01 năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn không quan tâm, lo lắng cho cuộc sống vợ chồng, nguyên đơn có khuyên nhủ thì bị đơn chửi mắng. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bị đơn bỏ đi và sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2026 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2021, hiện do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Gia H, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 4 năm 2026 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn Đ có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt; do không đồng ý ly hôn nên không đề cập đến vấn đề con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ, không đưa ra được giải pháp xóa bỏ mâu thuẫn để hàn

gắn quan hệ hôn nhân; tại phiên toà, bị đơn cũng không có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không, chứng minh phía bị đơn không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Xét con chung của các đương sự là Trần Gia H đã được nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01 năm 2026 đến nay, cuộc sống của con chung đã ổn định nên không cần thiết phải xáo trộn, mà cần tiếp tục ổn định cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận mà không yêu cầu Toà án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đồng ý ly hôn nên không đề cập đến vấn đề con chung và tài sản chung; tại phiên toà, bị đơn không có mặt để xác định có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp các đương sự có tài sản chung, nợ chung và có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Út G.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Út G được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Út G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Gia H, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2021; ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị Út G cùng các thành viên khác trong gia

đình không được cản trở ông Trần Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Út G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005222 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Tân Bình, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng